

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2023/DS-PT

Ngày: 21/ 9/ 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Trang và bà Trần Thị Dịu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:** ông Ngô Văn Nghị- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đạo Thanh T**, sinh năm 1983( theo giấy ủy quyền ngày 03/4/2023), ( có mặt);

Địa chỉ: **Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

**Bị đơn:** Ông **Trịnh H**, sinh năm 1971( có mặt);

Địa chỉ: **Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.**

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Viết N**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đạo Thanh T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Trịnh Hoanh .**

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà **Phạm Thị D**, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Đạo Thanh T** trình bày:

Bà **Phạm Thị D** có cho cá nhân ông **Trịnh H** vay tiền hai lần là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), cụ thể:

Lần 1: ngày 20/8 (AL) năm 2022, vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền 20/8 AL”

Lần 2: ngày 22/8 (AL) năm 2022, vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền ngày 22/8 AL”.

Lãi suất hai bên thỏa thuận của hai lần vay này là 4%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông **Trịnh H** đã không trả nợ gốc và không trả bất kỳ khoản lãi nào cho bà **D**.

Vì vậy, bà **Phạm Thị D** yêu cầu ông **Trịnh H** trả cho vợ chồng bà khoản nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và trả tiền lãi của khoản vay này theo lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay lần hai là ngày 17/9/2022 (tương ứng ngày 22/8 AL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu trả tiền lãi của khoản vay nợ gốc 1.000.000.000 đồng theo lãi suất 20%/năm kể từ ngày 01/10/2022 (nhằm ngày 06/9 AL) không yêu cầu tính lãi chậm trả nợ gốc theo lãi suất 150% đối với thời gian chậm trả.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn ông **Trịnh H** trình bày:*

Ông xác nhận ông có vay của bà **Phạm Thị D** hai lần, cụ thể: vào ngày 18/8 (AL) năm 2022, vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và ngày 27/8 (AL) năm 2022, vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà **Phạm Thị D** đã cho ông vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi vay tiền hai bên có lập giấy vay tiền nhưng do bà **Dur g**, bà **D** tự viết, tự tẩy xóa và sửa ngày vay. Lãi suất do hai bên thỏa thuận của hai lần vay này là 5%/tháng, trả lãi hàng tháng kể từ ngày vay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói không xác định ngày trả nợ gốc.

Ông xác nhận nội dung “Giấy mượn tiền 20/8 AL” và “Giấy mượn tiền ngày 22/8 AL” mà Tòa án công bố cho ông xem là do bà **Phạm Thị D** viết ra và ông đồng ý nội dung vay và đã nhận đủ số tiền vay nhưng ông không đồng ý ngày vay tiền vì thực tế ông nhớ ngày ông vay tiền của bà **D** như ông trình bày.

Ngày 19/9 (AL) năm 2022 ông đã trả lãi cho bà **D** 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với khoản vay 300.000.000 đồng và ngày 27/9 (AL) năm 2022, trả cho bà **D** 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền lãi đối với

khoản vay 700.000.000 đồng, khi trả lãi chỉ có ông và bà **D** biết. Tổng cộng, ông đã trả cho bà 50.000.000 đồng tiền lãi cho tháng đầu tiên của hai lần vay này, kể từ đó đến nay do ông mất khả năng trả nợ nên ông không trả cho bà Dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi cho đến nay.

Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị D** về việc yêu cầu ông trả đầy đủ một lần cho khoản nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi các tháng chưa trả theo lãi suất 20%/năm kể từ ngày 17/9/2022 đến ngày xét xử vụ án theo bà **D** yêu cầu. ông đề nghị xác định là lãi suất 5%/tháng (60%/năm) theo thỏa thuận để tính lãi vay và không đồng ý trả lãi tháng đầu tiên vì ông đã trả lãi cho bà **D** 50.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên cho hai lần vay này.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Viết N** trình bày: Đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị D** xác định khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền 20/8 AL” và “Giấy mượn tiền ngày 22/8 AL” là tiền chung của vợ chồng ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 228, 244, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 280, 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 1, 5, 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Dư .1**

Buộc ông **Trịnh H** phải có trách nhiệm trả cho bà **Phạm Thị D** tổng số tiền 1.150.555.555 đồng (bằng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng), trong đó gồm 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng) tiền nợ gốc và 150.555.555 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) tiền nợ lãi. Vợ chồng bà **Phạm Thị D**, ông **Nguyễn Viết N** được quyền sở hữu tổng số tiền 1.150.555.555 đồng (bằng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) do ông **Trịnh H** hoàn trả cho bà **Phạm Thị Dư .1**

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông **Trịnh H** kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Yêu cầu xác định lãi suất hai bên thỏa thuận khi ông **Trịnh H** vay tiền của bà **D** là 5%/ tháng; yêu cầu xác định việc ông **H** trả lãi tháng đầu tiên cho bà **D** là 50.000.000 đồng, xác định ngày vay 300.000.000 đồng là ngày 18/8 AL và ngày vay 700.000.000 đồng là ngày 27/8 AL cùng năm 2022, xác định các khoản vay này hai bên không thỏa thuận thời hạn trả gốc, chỉ thỏa thuận trả lãi hàng tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Ông **H** thừa nhận có vay bà **D** tổng 2 khoản vay là 1.000.000.000 đồng ( Một tỷ đồng). Việc thỏa thuận lãi suất là cao so với quy định của pháp luật, do đó Tòa án sơ thẩm áp dụng lãi suất 20%/ năm cho cả hai khoản vay là phù hợp. Ông **H** kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam là đúng quy định theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Trịnh H**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại giấy vay tiền lập ngày 20/8 (AL) năm 2022 và ngày 22/8 (AL) năm 2022 giữa bà **Phạm Thị D** và ông **Trịnh H** thể hiện số tiền vay 2 lần là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay tiền 01 tháng, lãi suất tháng. Cả hai bên đã xác định đúng hợp đồng vay có lãi, kỳ hạn trả lãi hàng tháng kể từ ngày vay, thời điểm bắt đầu tính lãi là kể từ ngày vay và không tranh chấp về số tiền cho vay.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **D** cho rằng thời hạn trả nợ gốc đối với hai khoản vay là 01 tháng, kể từ ngày vay. Tại “Giấy mượn tiền 20/8 AL”, thể hiện: “Tôi **Trịnh H** có mượn của em **Phạm Thị D** số tiền là Ba trăm triệu đồng

hẹn 1 tháng lại đủ” và tại “Giấy mượn tiền ngày 22/8 AL”, thể hiện: “Tôi **Trịnh H** có mượn thêm em **Phạm Thị D** số tiền Bảy trăm triệu đồng hẹn 1 tháng trả đủ” nội dung này không có dấu tẩy xóa. Bị đơn ông **H** xác nhận là ông có hẹn với bà **D** là khoảng 01 (một) đến 02 (hai) tháng sau ông sẽ trả cho bà **D** tiền gốc, đồng thời cho rằng thực tế hai bên đã thỏa thuận riêng bằng lời nói là không xác định thời hạn trả gốc nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn bà **D** thừa n. Đồng thời, ông **H** xác nhận bà **D** đã có yêu cầu ông trả nợ gốc và lãi nhưng do ông mất khả năng trả nợ nên từ đó đến nay chưa thanh toán cho bà **D**. Vì vậy có căn cứ xác định giao dịch vay tiền giữa bà **D** và ông **H** có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ gốc.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn ông **H** cho rằng ông đã trả lãi tháng đầu tiên 50.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng trên số nợ gốc 1.000.000.000 đồng nhưng cũng không đưa ra bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc trả lãi này và việc trả lãi này không được bà **D** thừa n. Các nội dung tin nhắn zalo ông **H** cung cấp chỉ thể hiện số tiền nợ gốc chưa thanh toán và cũng không chứa đựng việc đã thanh toán lãi số tiền 50.000.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất: cả hai bên đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận bằng lời nói là vay có lãi, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn bà **D** cho rằng mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 4%/tháng (48%/năm), bị đơn ông **H** cho rằng mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 5%/tháng (60%/năm).

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...*”

Như vậy, thỏa thuận lãi suất giữa bà **D** và ông **H** đưa ra là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm).

[2.4] Về thời điểm bắt đầu tính lãi và thời gian tính lãi: Bà **D** cho rằng vay lần 1 là ngày 20/8 (AL) năm 2022, nhằm ngày 15/9/2022; lần 2 là ngày 22/8 (AL) năm 2022 nhằm ngày 17/9/2022. Tuy nhiên, ông **H** cho rằng bà **D** tự ý tẩy xóa, sửa ngày vay này và xác định vay lần 1 ngày 18/8 (AL) năm 2022 và vay lần 2 ngày 27/8 (AL) năm 2022. Cả hai đều xác định tháng vay đối với cả hai lần vay này là đều trong tháng 8 (AL) năm 2022 nhưng không thống nhất được ngày vay. Bà **D** yêu cầu tính mốc thời gian bắt đầu từ này 01/10/2022 (nhằm ngày 06/9AL) đối với cả hai lần vay này, là có lợi cho bị đơn và đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên chấp nhận.

Tiền lãi đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng này với thời hạn từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2023 là 271 ngày, lãi suất 20%/năm (20%/năm : 12 tháng = 1,666%/tháng) là 150.555.555 đồng (Một trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng). Cách tính: [1.000.000.000 đồng x (20%/năm : 12 tháng) : 30 ngày x 271 ngày ]

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tiền gốc, tiền lãi buộc ông **H** phải trả cho bà **D** số tiền 1.150.555.555 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Hợp đồng vay tiền chỉ có chữ ký của ông **H** và thỏa thuận vay cũng chỉ có ông **H** và bà **D** tham gia giao kết. Khi khởi kiện và tại phiên tòa bà **D** chỉ yêu cầu một mình ông **H** trả nợ, vì vậy Tòa án sơ thẩm chỉ buộc ông **H** có nghĩa vụ trả nợ cho bà **D** là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên vợ chồng bà **Phạm Thị D**, ông **Nguyễn Việt N** được quyền sở hữu tổng số tiền do ông **Trịnh H** hoàn trả là thừa và không cần thiết.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Trịnh Hoanh** . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 46.516.667 đồng tương ứng đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn .

-Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông **Trịnh H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148 , Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Trịnh Hoanh**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị D** đối với bị đơn ông **Trịnh H** về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông **Trịnh H** phải có nghĩa vụ phải trả cho bà **Phạm Thị D** số tiền 1.150.555.555 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*), trong đó tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền nợ lãi 150.555.555 đồng (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

### 2. Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm:

ông **Trịnh H** phải chịu 46.516.667 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho bà **Phạm Thị D** 22.347.000 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001592 ngày 02/3/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Trịnh H1** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004253 ngày 23/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2023).

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Thuận Nam(1);
- Chi cục THADS H. Thuận Nam
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Trang**